|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**DỰ THẢO**

**QUY ĐỊNH**

**Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021** - **2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

**Điều 2. Nguyên tắc quản lý hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia**

1. Nguyên tắc chung: Thực hiện theo Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

2. Nguyên tắc riêng từng chương trình

2.1. Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

a) Thực hiện các nguyên tắc quy định tại Điều 3, Điều 17 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc .

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thực hiện tại địa bàn các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó ưu tiên các xã, thôn đặc biệt khó khăn (ĐBKK). Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện tại địa bàn các xã, thôn ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ sinh sống tại xã ĐBKK, thôn ĐBKK; trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

d) Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng phải đảm bảo tối thiểu 70% người dân tham gia là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Ưu tiên hộ nghèo là người dân tộc thiểu số; hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động. Ưu tiên dự án do nhóm hộ, tổ hợp tác có trên 50% số thành viên là phụ nữ đề xuất.

đ) Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), HTX tham gia vào dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phải có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số;ưu tiên dự án, kế hoạch liên kết do doanh nghiệp có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ, hoặc HTX có trên 50% số thành viên là phụ nữ đề xuất.

e) Hỗ trợ phát triển sản xuất có chu kỳ đủ dài để đảm bảo tính ổn định, hiệu quả, duy trì bền vững và khả năng nhân rộng của mô hình, dự án nhưng thời gian hỗ trợ không quá 05 năm, không vượt quá thời hạn thực hiện giai đoạn I của Chương trình đến hết năm 2025.

2.2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

a) Thực hiện các nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Điều 3 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

c) Thời gian thực hiện mỗi dự án thuộc Dự án 2 tối đa 3 năm.

2.3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện các nguyên tắc quy định Điều 10 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

**Chương II**

**HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

**Điều 3. Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

1. Điều kiện chung của các chương trình: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số [27/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-27-2022-nd-cp-co-che-quan-ly-thuc-hien-cac-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-510809.aspx) ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

2. Điều kiện riêng của các chương trình:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

Thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số [28/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-28-2022-nd-cp-tin-dung-uu-dai-chuong-trinh-phat-trien-kinh-te-vung-dan-toc-thieu-so-511512.aspx) ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Nghị định số [28/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-28-2022-nd-cp-tin-dung-uu-dai-chuong-trinh-phat-trien-kinh-te-vung-dan-toc-thieu-so-511512.aspx)).

b) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ.

Điều 4. Xây dựng, phê duyệt danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trung hạn

Trên cơ sở đề xuất danh mục định hướng trung hạn của chủ trì liên kết (doanh nghiệp, HTX, Liên hiệp hợp tác xã), UBND cấp xã tổng hợp gửi UBND cấp huyện.

Trên cơ sở các danh mục đề xuất của UBND cấp xã, UBND cấp huyện giao cho đơn vị chủ trì dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chỗi giá trị (đơn vị Chủ trì dự án cấp huyện) phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức khảo sát các ngành hàng, đánh giá các liên kết theo chuỗi giá trị hiện có, tiềm năng phát triển các liên kết theo chuỗi giá trị mới, xác định các nội dung ưu tiên, xây dựng và trình UBND cấp huyện phê duyệt danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trung hạn ở cấp huyện, gửi Chủ trì dự án cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các sở, ngành liên quan, tổ chức rà soát và tổng hợp danh mục định hướng các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị do UBND cấp huyện đề xuất; tham mưu Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trung hạn ở cấp tỉnh, bao gồm các dự án gắn với sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng do cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện và các dự án có cùng loại sản phẩm, cùng mục tiêu và nội dung đầu tư có phạm vi liên huyện (nếu có).

Điều 5. **Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

1. Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

a) Đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

c) Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

đ) Tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường.

e) Xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm: chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, phân tích thành phần định lượng của hàng hóa; chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm; xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế; thực hành nông nghiệp tốt.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

a) Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

c) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

đ) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

e) Xây dựng, quản lý dự án.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

a) Đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

c) Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

đ) Các nội dung hỗ trợ khác theo Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác,liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

**Điều 6. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch; Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

1. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Đơn đề nghị về việc hỗ trợ liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Mẫu số 01tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

b) Dự án liên kết (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này) hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

c) Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau.

d) Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

đ) Bản sao chụp hợp đồng liên kết.

e) Tài liệu minh chứng năng lực của đơn vị chủ trì liên kết: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tương đương); Quyết định thành lập đơn vị (hoặc tương đương); Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Báo cáo tài chính năm gần nhất; Bản sao hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tương tự (nếu có).

2. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Đề xuất dự án, kế hoạch liên kết triển khai thực hiện hằng năm.

- Căn cứ danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trung hạn đã được phê duyệt, UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện tổ chức thông báo các chủ trì liên kết (các doanh nghiệp, HTX) lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết để thẩm định, phê duyệt.

- Trường hợp đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án, kế hoạch liên kết không nằm trong danh mục định hướng trung hạn đã được phê duyệt, Chủ trì dự án các cấp phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức rà soát và tham mưu cho Chủ tịch UBND cùng cấp ban hành văn bản đồng ý chủ trì liên kết lập hồ sơ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo quy định.

b) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết

\* Bước 1: Khảo sát, xây dựng dự án liên kết

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án, kế hoạch liên kết theo mẫu hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.

Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Nội dung hồ sơ đề xuất thực hiện dự án phải xác định rõ: năng lực của đơn vị chủ trì liên kết; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết; nội dung khác (nếu có).

\* Bước 2: Thẩm định dự án

Đơn vị chủ trì liên kết gửi hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đến đơn vị chủ trì dự án cấp huyện đối với dự án thuộc phạm vi cấp huyện, đến đơn vị chủ trì dự án cấp tỉnh đối với các dự án do cấp tỉnh làm chủ đầu tư. Đơn vị chủ trì dự án cấp huyện tham mưu cho UBND cấp huyện, đơn vị chủ trì dự án cấp tỉnh tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết.

Đối với các dự án, kế hoạch liên kết có hoạt động sản xuất trong phạm vi từ 02 huyện trở lên: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định do đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực nông, lâm nghiệp làm Chủ tịch Hội đồng; các thành viên: lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết; lãnh đạo các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; các ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết). Trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Hội đồng tổ chức thẩm định dự án.

Đối với các dự án, kế hoạch liên kết có hoạt động sản xuất trong phạm vi 01 huyện, thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Chủ tịch Hội đồng; các thành viên: lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết; lãnh đạo các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; các ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết). Trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Hội đồng tổ chức thẩm định dự án.

Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện hỗ trợ dự án quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này và sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

\* Bước 3: Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

- Căn cứ ý kiến thẩm định, trong thời hạn 03 ngày làm việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết do đơn vị cấp tỉnh thực hiện; ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn 01 huyện, thành phố trong thời hạn 03 ngày làm việc.

- Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết phải bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách); nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; đối tượng tham gia; chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

**Chương III**

**HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

**Điều 7. Điều kiện hỗ trợ dự án, phương án sản xuất của cộng đồng**

1. Điều kiện chung của các chương trình:

a) Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

b) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án phát triển sản xuất là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

c) Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.

d) Hộ tham gia dự án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án.

2. Điều kiện riêng của các chương trình mục tiêu quốc gia

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Đảm bảo tối thiểu 70% người dân tham gia là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Ưu tiên hộ nghèo là người dân tộc thiểu số; hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động. Ưu tiên dự án do nhóm hộ, tổ hợp tác có trên 50% số thành viên là phụ nữ đề xuất.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: Đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

**Điều 8. Nội dung hỗ trợ dự án, phương án sản xuất của cộng đồng**

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

a) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

b) Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

c) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

a) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

b) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

c) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

d) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

đ) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

e) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

g) Xây dựng, quản lý dự án.

**Điều 9. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, phương án; Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất của cộng đồng**

1. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất của cộng đồng

a) Biên bản họp dân (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

b) Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm (Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

c) Đề cương xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

2.Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất của cộng đồng

a) Bước 1: Xây dựng dự án

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án, lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án theo mẫu hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Bước 2: Thẩm định dự án

Cộng đồng dân cư gửi hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; đại diện lãnh đạo các phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế), Kế hoạch - Tài chính và các phòng liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có). Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định.

c) Bước 3: Phê duyệt dự án

Căn cứ ý kiến thẩm định, trong thời hạn 02 ngày làm việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất. Nếu dự án, phương án sản xuất hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất không đủ điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: tên dự án, phương án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); hình thức, mức quay vòng (nếu có); dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

**Chương IV**

**HỖ TRỢ PHÁT TRIÊN SẢN XUẤT THEO NHIỆM VỤ**

**Điều 10. Điều kiện thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

1. Đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo quy định tại Chương II, Chương III Quy định này nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.

2. Tối thiểu 70% phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được dùng để hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất của người dân.

**Điều 11. Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

1. Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

2. Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

3. Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

4.Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

5. Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

6. Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

7. Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

8. Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

9. Xây dựng, quản lý dự án.

**Điều 12. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án; Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

1. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

a) Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

b) Hợp đồng về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này) hoặc Quyết định về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

2. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

a) Bước 1: Xây dựng, phê duyệt dự án

Cơ quan được bố trí kinh phí để thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo tiến hành khảo sát, xây dựng dự án, bao gồm: tên đơn vị đề xuất dự án, loại mô hình, mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung, kinh phí, kế hoạch triển khai theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này; trình Thủ trưởng cơ quan được bố trí kinh phí quyết định phê duyệt dự án.

b) Bước 2: Lựa chọn đơn vị đặt hàng

Căn cứ quyết định phê duyệt dự án cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì dự án hỗ trợ phát triển sản xuất quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan quản lý cấp trên và nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác đủ điều kiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

c) Bước 3: Ký hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định giao nhiệm vụ

Căn cứ kết quả lựa chọn đơn vị đặt hàng cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì dự án hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này) hoặc quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng với bên được giao nhiệm vụ, đặt hàng (Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này)./.